

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+GTc1+TD2	7:25	0+0+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 4 pax rc6-gtc1.
2		RC3+RP3	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RC6 - GTC1 - TD2	CREW: CHIẾN - N.Cường - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2				70	88	KHOAN	Vietnamese
2	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	97	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC DUNG	TD2	90	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2	89	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	94	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HAI	TD2	39	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LIÊM	TD2	96	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	95	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VĂN LỢI	TD2	91	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY DUNG	TD2	87	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
11	TRANG NGỌC HUNG	TD2	88	1	13		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	92	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRUNG SƠN	TD2	93	1	10		77	D-HANH	Vietnamese
14	TRẦN ANH TUẤN	TD2	86	1	9		74	DVL	Vietnamese
15	VU VĂN TRUNG	TD2				22	75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	0	0	0	0	18	1	18	CHUYEN 04 PAX RC6-GTC1
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD2	15	13	88	1.112	92	21		
TOTAL		15	13	88	1.112	110	22		
WEIGHT KG				88	1.112	110			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

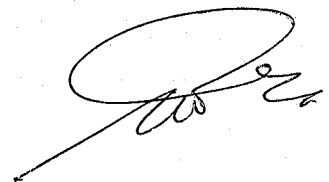
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: NO 2	TO: RC3 - RP3	CREW: CHIẾN - N.Cường - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN XUAN CUONG	RC3	94	1	15		71	CODIEN	Vietnamese
2	LE VAN NINH	RC3	95	1	10	40	75	CODIEN	Vietnamese
3	QUACH SY TY	RC3	96	1	9		66	CODIEN	Vietnamese
4	DUONG DIEP PHI	RP3					81	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG THUY	RP3					70	KHOAN	Vietnamese
6	CAO DINH THANH	RP3					60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HAU	RP3	48	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN LE KIEN	RP3	44	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
9	DAO XUAN THE	RP3	55	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUONG	RP3	54	1	8	56	67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TUAN	RP3	52-53	2	12		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUYNH	RP3	46	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NHAT QUANG	RP3	51	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
14	LE XUAN TUYEN	RP3					62	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGOC TU	RP3	42	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN HOA	RP3	43	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGO HONG GIANG	RP3	45	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
18	QUACH THE ANH	RP3	49	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM NGOC LANH	RP3	47	1	7		74	KHI	Vietnamese
20	TRAN TUAN ANH	RP3	50	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
21	LE MANH HUNG	RP3					78	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	3	3	34	212	40	0		
2	RP3	18	14	88	1.263	56	22		
TOTAL		21	17	122	1.475	96	22		
WEIGHT KG				122	1.475	96			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+TD3	7:25	12+10	0+0		12+10	0+0	
2		P3+P4+TD5	7:25	5+3+14	0+0+0		1+3+18	0+0+0	
3		P2+P11+P7	7:25	10+12+0	0+0+0		5+14+3	0+0+0	
4		BK20+CTK3+P10	7:25	0+2+15	0+0+0		1+1+20	0+0+0	chuyen 4 bk20- ctk3
5		P6+P5+P2	9:25	12+0+10	0+0+0		1+6+13	0+0+0	
6		BK15+BK10+P10	9:25	9+5+7	0+0+0		6+7+6	0+0+0	chuyen 2 bk10- p10
7		TD3+TD2+RCDM	9:25	22+0+0	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
8		BK3+P9	11:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
9		P2+TD1+GTC1	11:25	17+3+2	0+0+0		8+0+5	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P2-5ng, P9-4ng.
2/ 1 người bk20 về đi BK14, 1 nguoi P7 về đi BK3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/03/2024	TO: P9 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P9					70	D-HANH	Vietnamese
2	VASYANKIN	P9	47	1	10		110	KH-THAC	Russian
3	LE VAN LINH	P9	46	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HUNG	P9	42	1	5	20	80	KH-THAC	Vietnamese
5	КИРЕЕВ МАРАТ ВИКТОРОВИЧ	P9	KIRREEV M.				80	NIPI	Russian
6	TRAN KHOA TRUONG	P9	44	1	4		78	NIPI	Vietnamese
7	VO HONG TIN	P9	50-51	2	17		84	YTE	Vietnamese
8	TRAN THANH HAI	P9	48	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MINH THUY (5406)	P9	45	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO DUC MINH	P9	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DUY	P9	43,52	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN TRUONG	P9	53	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	KOROTKOV VICTOR	TD3	96	1	10		120	KHOAN	Russian
14	GUSEINOV MAXIM	TD3	95	1	10		80	KHOAN	Russian
15	BUI HUU VUNG	TD3	93	1	4		93	KHOAN	Vietnamese
16	LUU VAN SON	TD3	92	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGO VAN KIEM	TD3	88	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM TRUONG ANH	TD3	90	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
19	VU TOAN THANG	TD3	89	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM TIEN CHUNG	TD3	96	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN HAI NAM	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
22	VU QUANG HIEU	TD3	91	1	5		110	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	12	12	82	926	20	12		
2	TD3	10	9	53	868	0	10		
TOTAL		22	21	135	1.794	20	22		
WEIGHT KG				135	1.794	20			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P3 - P4 - TD5	CREW: TTrung - HTrung - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

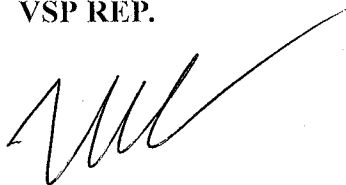
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN PHƯƠNG	P3	91	1	10		63	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P3	92-93	2	10		61	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
3	PHẠM MINH SANG	P3	94-95	2	6		59	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CUÔNG	P3	96	1	7	25	57	PSV	Vietnamese
5	PHẠM MINH TÂM	P4	99	1	10		60	PSV	Vietnamese
6	LƯƠNG TUẤN CHUNG	P4	97	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	LÊ VĂN HOÀN	P4	98	1	4		70	KHI	Vietnamese
8	TRẦN SƠN TIỀN	P4	200	1	6		67	KHI	Vietnamese
9	CHUSH MAKSIM	TD5	82	1	7		103	KHOAN	<i>Phu</i>
10	NGUYỄN XUÂN THIỆ	TD5	89	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	VY HÙNG CUÔNG	TD5	81	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	83	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VINH DUY	TD5	84	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
14	BUI XUÂN KHOA	TD5	86	1	11		58	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU VĂN MẠNH	TD5	88	1	10		51	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	92-93	2	16		95	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THÀNH	TD5	80	1	8	40	67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	TD5	90-91	2	12		61	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ THUẬN THÀNH	TD5				32	73	KHOAN	Vietnamese
20	LƯU ĐÌNH MINH	TD5	69-70	2	23		79	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	TD5	79	1	5		74	PSV	Vietnamese
22	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	87	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	6	33	240	25	1		
2	P4	4	4	25	272	0	3		
3	TD5	14	16	114	1.000	72	18		
TOTAL		22	26	172	1.512	97	22		
WEIGHT KG				172	1.512	97			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2024	TO: P2 - P11 - P7	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - THU	ETA: 09:30
vang-1			

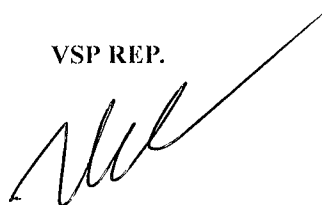
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC CUÔNG	P2	75	1	3		65	NAM TIEN	Vietnamese
2	LE HỒNG ĐẠI	P2	76	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	P2					77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUAN	P2	87-88	2	13		66	KHI	Vietnamese
5	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P2	90	1	3		68	NIPI	Vietnamese
6	PHAN NGOC QUYET	P2	89	1	3		76	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN THE ANH	P2	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU VAN DIỆP	P2	73	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BAO TOAN	P2	91	1	10	4	82	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ ANH NGỌC	P2	72,92	2	18	80	64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY HA	P11	65	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VIET DUNG	P11	50	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	59	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	51-52	2	15		102	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	62	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN KIM THẠCH	P11	56-57	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC XUAN	P11	53-54	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU NGU	P11	60-61	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÙNG	P11	55	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO MINH HỘI	P11	64	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	LE THANH HAI	P11	58	1	7		61	PSV	Vietnamese
22	PHAM TOAN VU	P11	63	1	7		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

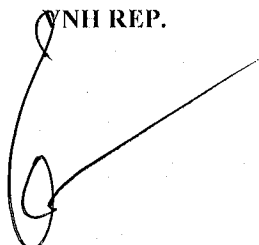
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	11	68	713	84	5		
2	P11	12	16	92	864	0	14		
3	P7	0	0	0	0	35	3		
TOTAL		22	27	160	1.577	119	22		
WEIGHT KG				160	1.577	119			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

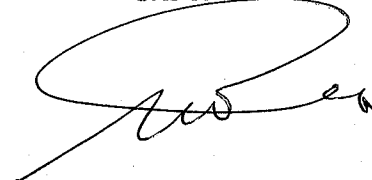
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/03/2024	TO: BK20 - CTK3 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - HTNam	ETA: 09:35
TRANG - 1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH AN	CTK3	01	1	4		56	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HẠNH	CTK3	02	1	5		68	PSV	Vietnamese
3	K LOC	P10	90	1	10	20	68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HUYNH VU	P10					68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH KHOA	P10	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BAO LAM	P10	82	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGOC NGUYEN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC HAI	P10	88	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIEN HOANG SON	P10	85	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	77	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG MINH TÂN	P10	86	1	5		75	YTE	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC BA	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	P10	79-80	2	11		105	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC THANH	P10	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỢI	P10	81	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	83	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	84	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	0	0	0	0	0	1	4	CHUYEN 4 KHACH TU BK20 SANG CTK3
2	CTK3	2	2	9	124	0	1		
3	P10	15	13	75	1.126	20	20		
TOTAL		17	15	84	1.250	20	22		
WEIGHT KG				84	1.250	20			

GRAND TOAL: 1.354 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: P6 - P5 - P2	CREW: CHIẾN - Sơn - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

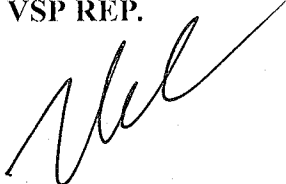
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGỰ	P6	33	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÀ	P6	23-24	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐOÀN HẠ	P6	30	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HOÀN	P6	18-19	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐỒNG	P6	28-29	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
6	TRƯỜNG VĂN TRIỆ	P6	20-21	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ CÔNG BÌNH	P6	12-13	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HẢI	P6	14	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TUYẾN	P6	24-25	2	19		74	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ MẠNH THĂNG	P6	15-17	3	19		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	P6	31-32	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	P6	26-27	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	32	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THIÊN LONG	P2	78	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG VĂN THUAN	P2	30	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	81	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG LUY	P2	80	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ VĂN TRUNG	P2	31	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DŨ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẦN ĐĂNG TUẤN	P2	29	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG THẢO	P2	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

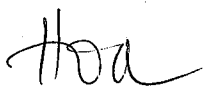
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	22	209	750	0	1		
2	P5	0	0	0	0	0	6		
3	P2	10	8	80	685	0	13		
TOTAL		22	30	289	1.435	0	20		
WEIGHT KG				289	1.435	0			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/03/2024	TO: BK15 - BK10 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - HTrung - MQUÂN	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC HẢI	BK15	21	1	4	60	69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK15	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	16	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUỖNG HÒE	BK15	23	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HOÀNG	BK15	17-18	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT ANH	BK15	24	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỮU TƯỜNG	BK15	22	1	4		70	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HIỆP	BK15	13-15	3	22		81	CODIEN	Vietnamese
9	VŨ ĐẠI ĐÌNH	BK15	19	1	5		68	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	39	1	3	40	84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					81	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	36	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	37	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	28	1	4		68	PSV	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	19	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	15	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHI HIỆU	P10	14	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	17	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	18	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
21	ZADERNIUK MIKHAIL	P10	16	1	9		68	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	9	12	71	633	60	6		CHUYEN 02 PAX BK10-P10
2	BK10	5	4	20	364	40	7	+2	
3	P10	7	7	43	475	0	6		
TOTAL		21	23	134	1.472	100	19		
WEIGHT KG				134	1.472	100			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2024	TO: TD3 - TD2 - RCDM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:58
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - XTrường - Vũ	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH THĂNG	TD3	79	1	4		120	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN QUANG	TD3	66	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ VĂN SƠN	TD3	69	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
4	LE HAI NGAN	TD3	70	1	10	40	60	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	65	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN DUY ĐỨC	TD3	74	1	13		84	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUÂN	TD3	83-84	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	TD3	75	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	TD3	73	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NHÀN	TD3	81-82	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	TD3	71	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
12	LAM VĂN HẠNH	TD3	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DU	TD3	87	1	8		60	DVL	Vietnamese
14	VÔ HỮU TÂN	TD3	86	1	8		79	DVL	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN MẠNH	TD3	72	1	4		73	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN CHI HIỆU	TD3	68	1	7		75	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG GIANG LAM	TD3					75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD3	77	1	10		76	PSV	Vietnamese
19	PHAN CHINH QUY	TD3	75	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	BUI HAI THANH	TD3	76	1	7		57	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	67	1	7		70	PSV	Vietnamese
22	LE VĂN TUÂN	TD3	85	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	23	177	1.624	40	14	2	CHUYEN 2 PAX TD3-TD2
2	TD2	0	0	0	0	60	6		
3	RCDM	0	0	0	0	13	2		
TOTAL		22	23	177	1.624	113	22		
WEIGHT KG				177	1.624	113			

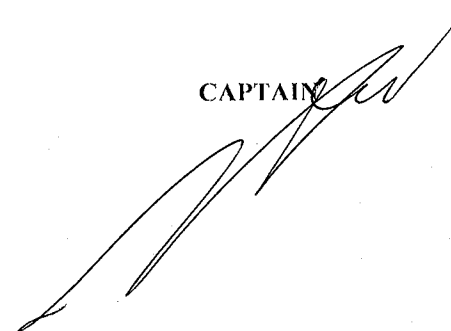
GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





pe ok fan

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: BK3 - P9	CREW: HUNG - XTrường - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN ĐỨC	BK3	51	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUÂN THUY	BK3	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU QUYNH AN	BK3	53	1	7		105	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO QUANG THIẾT	BK3	56	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN DŨNG	BK3	57	1	4	30	67	CODIEN	Vietnamese
6	VU ANH MINH	BK3	54	1	9	15	78	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	BK3	55	1	5		72	PSV	Vietnamese
8	BUI NGOC THANH	P9				30	76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ AN CHUNG	P9	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THUY (15598)	P9					77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIẾT CƯƠNG	P9	89	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIẾT THĂNG	P9	85-86	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ SĨ BÌNH	P9	78	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÀ	P9	82	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VU DINH THUAN	P9	87	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN BĂNG	P9	76	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨNG	P9	88	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN TUNG	P9	80-81	2	9		77	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HAI	P9	79	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN CU	P9					56	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CAO CHI	P9	75	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRƯỞNG KIẾN	P9	83-84	2	15		96	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	7	46	527	85	5		
2	P9	15	15	76	1.050	30	17		
TOTAL		22	22	122	1.577	115	22		
WEIGHT KG				122	1.577	115			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

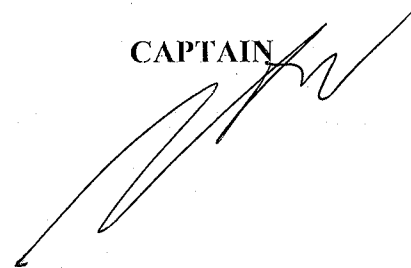
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2024	TO: P2 - TD1 - GTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Huy	ETA: 14:05
VANG-3			

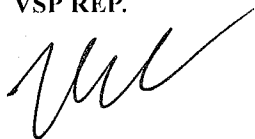
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG HOÀNG HIẾU	P2	97	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH LAM	P2	400,99	2	14		78	PSV	Vietnamese
4	PHẠM THANH HÙNG	P2	97	1	6		63	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TỊNH	P2	95	1	8		65	DK9	Vietnamese
6	LÊ QUANG NINH	P2					65	KHI	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	98	1	5		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TUÂN KHANH	P2	88-89	2	16		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG KIM	P2	92-93	2	6		79	KHI	Vietnamese
10	PHÙNG ANH KHUÔNG	P2	86	1	10		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THUẬN	P2	82-83	2	15		80	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LANH	P2	90	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	LÊ HỒNG GIANG	P2	94	1	10		80	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HOÀNG VIỆT	P2	91	1	8		92	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MUI	P2	84-85	2	8		69	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUANG	P2	79-81	3	20		75	KHI	Vietnamese
17	VŨ VĂN CUÔNG	P2	87	1	6		83	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH HÙNG	TD1	51	1	17		85	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG SỰ	TD1	49-50	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
20	HỒ THANH	TD1	52	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN MINH	GTC1	84-85	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH DANH	GTC1	86-87	2	11		55	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	22	143	1.257	0	8		
2	TD1	3	4	42	256	0	0		
3	GTC1	2	4	23	115	0	5		
TOTAL		22	30	208	1.628	0	13		
WEIGHT KG				208	1.628	0			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+BK6	7:25	22+0	0+0		12+6	0+0	
2		PPD	7:25	22	0		22	0	
3		RP3+MRM+VSP02	7:25	22+0+0	0+0+0		11+9+2	0+0+0	
4		AMD+TGTH1+HSD	7:25	11+5+3	0+0+0		8+7+3	0+0+0	chuyen 1 AMD- hsd
5		T.UNG	7:25	15	0		17	0	
6		P4+P5	9:25	15+7	0+0		6+7	0+0	
7		TD2+RP3	9:25	7+15	0+0		1+7	0+0	
8		P4+PPD	11:25	5+16	0+0		4+18	0+0	
9		CTK3+AMD+HST	11:25	6+9+6	0+0+0		1+10+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P4-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2024	TO: P4 - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:31
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - QTrường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P4	88	1	5		78	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN MINH	P4	89	1	4		78	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LINH	P4	82	1	4		75	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ HẠNG	P4					60	NIPI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	76-77	2	20		80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	90	1	4	20	72	KHI	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC DUY	P4	86	1	4		63	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN MẠNH	P4					58	KHI	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	92	1	4		80	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NĂM	P4	81	1	3		74	KHI	Vietnamese
11	LÊ QUANG VINH	P4	94	1	6		70	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TRÚC	P4	79	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	ĐƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	91	1	5		67	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	78	1	7		78	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH CANG	P4	80	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	75	1	4		75	KHI	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	96	1	4		83	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN LÊ HUY	P4	83-84	2	8		75	KHI	Vietnamese
19	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	87	1	4		82	KHI	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TUẤN	P4	85	1	6		85	KHI	Vietnamese
21	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	95	1	6		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	93	1	4		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	22	112	1.613	20	12		
2	BK6	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	22	112	1.613	20	18		
WEIGHT KG				112	1.613	20			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PPD	CREW: CHIẾN - Sơn - NNam	ETA: 09:25
NAU-1			

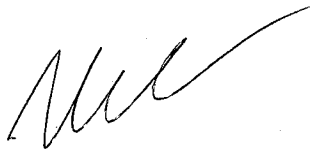
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	63	1	5		82	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	64	1	7		73	KHI	Vietnamese
3	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	73	1	3		66	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	61	1	5		62	KHI	Vietnamese
5	NGÔ SỸ THANH	PPD	62	1	4		90	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH VĂN CUONG	PPD	74	1	6		66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	67	1	10		75	KHI	Vietnamese
8	OKOVANTSEV	PPD	71	1	10		120	KHI	Russian
9	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	72	1	5		72	KHI	Vietnamese
10	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	70	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	82	1	3		58	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	65	1	8	120	75	KHI	Vietnamese
13	LÊ THANH TRUNG	PPD	69	1	4		66	KHI	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	66	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	ĐẠO VIỆT HÙNG	PPD	68	1	11		60	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	56-57	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN THĂNG	PPD	58	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD	60	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ SỸ KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

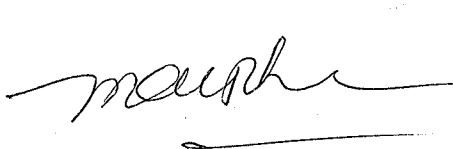
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	20	116	1.605	120	22		
TOTAL		22	20	116	1.605	120	22		
WEIGHT KG				116	1.605	120			

GRAND TOTAL: 1.841 KGS

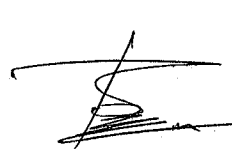
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:32
FLIGHT: 3	TO: RP3 - MRM - VSP02	CREW: ĐỨC - TĐông - HTNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

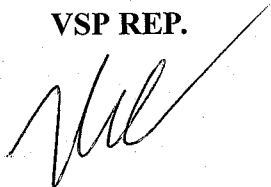
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUNG KIEN	RP3	81	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
2	KHARITONOV YURY	RP3	60	1	6		77	KHI	Russian
3	PHAM NGOC HUNG	RP3	64	1	6		85	KHI	Vietnamese
4	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	69	1	4		67	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	RP3	73	1	5		66	KHI	Vietnamese
6	PHAM QUOC KHANH	RP3	67	1	4		83	KHI	Vietnamese
7	LE XUAN VIET	RP3	61	1	3		77	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN KIM HUONG	RP3	84-85	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
9	GARIFULIN FLORID	RP3	62	1	18		87	XAYLAP	Russian
10	NGUYEN CONG KHOAI	RP3	68	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG KHAC CUONG	RP3	63	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN TUNG	RP3	65-66	2	11		58	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN QUANG LUU	RP3	74	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN SI HAI	RP3	72	1	12		50	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN PHU NAM	RP3	70	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
16	DUBOV A.B.	RP3	59	1	7		97	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN TOAN THANG	RP3	80	1	15	19	72	CODIEN	Vietnamese
18	PHAM VAN HUAN	RP3	78-79	2	22		61	CODIEN	Vietnamese
19	HOANG THANH TUYEN	RP3	76-77	2	10		78	CODIEN	Vietnamese
20	DOAN MINH TUAN	RP3	83	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LEM	RP3	71	1	9		66	CODIEN	Vietnamese
22	LUU VAN DAN	RP3	75	1	13		60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	223	1.559	19	11		
2	MRM	0	0	0	0	0	6		
3	VSP02	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	26	223	1.559	19	19		
WEIGHT KG				223	1.559	19			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	TO: AMD - TGTH1 - HSD	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:29
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: NKhánh - Mạnh	ETA: 09:35
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH THUONG MAI	AMD	37-38	2	8		60	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	97	1	5	25	60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN PHA	AMD	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG CONG TAN	AMD	09-10	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THIN	AMD	12,21	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUY	AMD	05	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN NGOC PHUC	AMD	03	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG LONG	AMD	11	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	YA LOC	AMD	06-07	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI BA HUNG	AMD	99	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN VAN THUONG	AMD	08	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	28	1	10		67	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYEN DUC NHA	TGTH1	29-30	2	14		53	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGHIA	TGTH1	33-34	2	11		61	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN HUONG	TGTH1	31	1	10	15	68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG DUY	TGTH1	24-25	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
17	HY TAC SANG	HSD	08-09	2	10		73	TLJOC	Vietnamese
18	NGUYEN BA QUAN	HSD	05-06	2	11		82	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN THANH MAI	HSD	07	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

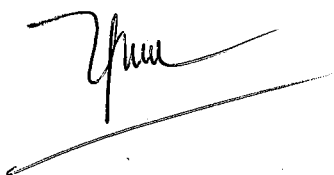
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	15	79	741	25	8 + 1		CHUYEN 1 PAX TU AMD SANG HSD
2	TGTH1	5	8	56	318	15	7		
3	HSD	3	5	24	213	0	3		
TOTAL		19	28	159	1.272	40	18		
WEIGHT KG				159	1.272	40			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 5	TO: T.UNG	CREW: Hoài - TTrung	ETA: 10:45
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	79	1	7		66	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỆU	T.UNG	55	1	6		68	PVEP ITC	Vietnamese
3	ZELENSKII ANDREI	T.UNG	75	1	4		85	KH-THAC	Russian
4	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	83-84	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG					80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DUY DUNG	T.UNG	80	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	700,54	2	9	25	73	KH-THAC	Vietnamese
9	KIEU XUAN TAM	T.UNG	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG	82	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	78	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HẢI	T.UNG	73	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HÒA	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	76	1	3		96	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	81	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	15	15	75	1.143	25	17		
TOTAL		15	15	75	1.143	25	17		
WEIGHT KG				75	1.143	25			

GRAND TOTAL: 1.243 KGS

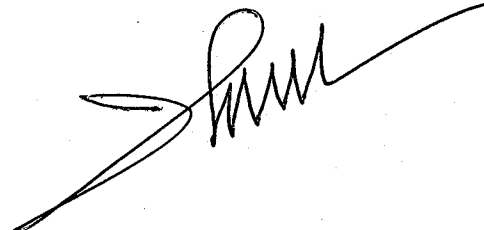
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P4 - P5	CREW: Linh - XTrường - QTrường	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG HUY KHÁNH	P4	69	1	8		80	KHI	Vietnamese
2	VÕ ĐÓN LONG	P4	72	1	10		73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THIỆ HUNG	P4	71	1	7		71	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THÀNH	P4	68	1	10		82	KHI	Vietnamese
5	TRẦN SƠN HẢI	P4	70	1	5		76	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG NAM	P4	64	1	6		65	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN MẠNH TOÀN	P4	65	1	5		85	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH SƠN	P4	58	1	12		68	KHI	Vietnamese
9	DƯƠNG MẠNH HIỀN	P4	66-67	2	16	30	60	MERMAID	Vietnamese
10	PIAM THÁI SƠN	P4	56-57	2	15		56	CODIEN	Vietnamese
11	LƯU QUANG ĐẠT	P4	60-61	2	12		67	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN CAO TUẤN	P4	63	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
13	HOÀNG HỮU TRỌNG	P4	59	1	15		66	CODIEN	Vietnamese
14	ĐINH MẠI THIÊN	P4	62	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	P4	54-55	2	15		51	CODIEN	Vietnamese
16	PIAM PHI LONG	P5	30-31	2	21		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ QUỐC HƯƠNG	P5	19	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HẢI	P5	20	1	17	15	70	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ XUÂN ĐẠT	P5	32-33	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI TRONG TRIU	P5	28-29	2	20	20	65	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HUY CHUONG	P5	25-27	3	20		74	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÀO QUỐC HÙNG	P5	23-24	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	19	155	1.036	30	6		
2	P5	7	13	127	477	35	10		
TOTAL		22	32	282	1.513	65	16		
WEIGHT KG				282	1.513	65			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	TO: TD2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIÊN - Sơn - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

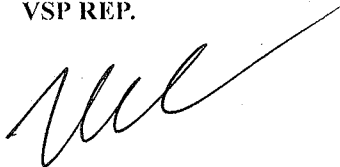
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH THAI	TD2	48	1	16		92	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH TIẾN	TD2	47	1	10		89	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ DUNG	TD2	49	1	11		66	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD2	42-43	2	19	20	83	DVL	Vietnamese
5	TRƯỜNG MINH KHANH	TD2	40	1	7	15	75	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUẬT	TD2	44-45	2	17		75	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HỘI	TD2	46	1	14		64	DVL	Vietnamese
8	HA QUANG HUY	RP3	94	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
9	MAI DINH KHANG	RP3	30	1	10		53	CODIEN	Vietnamese
10	KRAVTSOV ALEXANDR	RP3	88	1	19		76	DVL	Russian
11	NGUYỄN THIỆU BÌNH	RP3	97	1	10	15	60	DVL	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐAM	RP3	95	1	9		68	DVL	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN TAM	RP3	87	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN HAI	RP3	86	1	8		64	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG CHUNG	RP3	33-34	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	RP3	89	1	9	17	53	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ DANH NGỌC	RP3	99,300	2	19		83	XAYLAP	Vietnamese
18	HA VĂN NGHĨA	RP3	31-32	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN DINH QUÂN	RP3	28-29	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	RP3	93	1	19		94	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VĂN THẮNG	RP3	91-92	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HỒNG	RP3	96	1	5		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

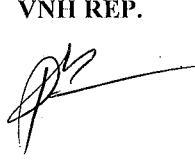
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	9	94	544	35	2		
2	RP3	15	20	203	986	32	7		
TOTAL		22	29	297	1.530	67	9		
WEIGHT KG				297	1.530	67			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

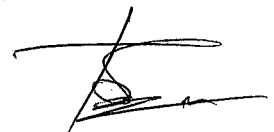
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: P4 - PPD	CREW: QViệt - N.Cường - DTùng	ETA: 14:00
VANG-3			

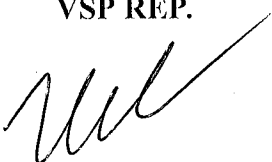
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	P4	47-48	2	12		66	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN GIANG	P4	49	1	12		73	CODIEN	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN TUÂN	P4	46	1	6		61	PSV	Vietnamese
4	LÊ NGỌC ANH	P4	51	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG PHONG	P4	50	1	12		66	CODIEN	Vietnamese
6	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	95	1	11		90	ANTOAN	Russian
7	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	90	1	7		64	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN HẠ	PPD	83-84	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH BA NINH	PPD	88	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRUNG LÂN	PPD	99	1	4		80	KHI	Vietnamese
11	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	96	1	6		63	KHI	Vietnamese
12	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	97	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	86	1	7		51	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	94	1	6		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	85	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	89	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ QUANG HUY	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VINH	PPD	57	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG HẢI HẠ	PPD	98	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	VŨ THANH ĐỖ	PPD	91-92	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	93	1	7		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

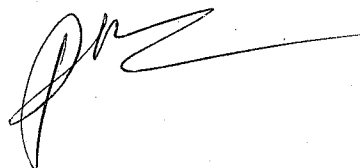
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	6	52	340	0	4		
2	PPD	16	17	104	1.072	0	18		
TOTAL		21	23	156	1.412	0	22		
WEIGHT KG				156	1.412	0			

GRAND TOAL: 1.568 KGS

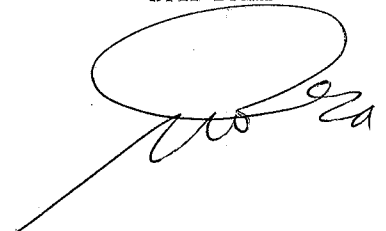
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2024	TO: CTK3 - AMD - HST	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - Huy	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUY THUẬN	CTK3	09-10	2	16		53	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG PHÚC	CTK3	05-06	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
3	TRỊNH THANH GIANG	CTK3	03	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ THAI ANH	CTK3	07-08	2	18	35	78	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH PHÙNG	CTK3	01-02	2	21		70	XAYLAP	Vietnamese
6	CAO VĂN HUYỀN	CTK3	04	1	17		78	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM ANH TUẤN	AMD	39-40	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	AMD	41-42	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH THAI	AMD	66-67	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÀO NGỌC HAI	AMD	43	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KIM HÀ	AMD	68	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	70	1	9		68	PSV	Vietnamese
13	PHAN VĂN HÒA	AMD	64	1	4		72	PSV	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	65	1	5		59	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH SỰ	AMD	69	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	HST	54-55	2	10		75	TLJOC	Vietnamese
17	NGUYỄN LÊ HỒNG VŨ	HST	56	1	7		63	TLJOC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG HIỆU	HST	40-41	2	10		70	TLJOC	Vietnamese
19	LÊ VĂN PHƯƠNG	HST	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ TRUNG HIỆU	HST	52	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG VIỆT DŨNG	HST	51	1	6		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	10	104	411	35	1		
2	AMD	9	12	82	595	0	10		
3	HST	6	8	48	403	0	5		
TOTAL		21	30	234	1.409	35	16		
WEIGHT KG				234	1.409	35			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN